

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, khu phố Bình Dương, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08 - 09
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 40

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, khu phố Bình Dương, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Thanh Hải	Chủ tịch
Ông Huỳnh Ngọc Tuấn	Thành viên
Ông Trần Văn Nguyên	Thành viên
Ông Nguyễn Tiến Hùng	Thành viên
Ông Đặng Doãn Kiên	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Trưởng ban
Bà Hoàng Thị Thu Thủy	Thành viên
Ông Hồ Sĩ Tuấn	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Tổng Giám đốc
Ông Huỳnh Ngọc Tuấn	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc tài chính
Ông Trần Văn Nguyên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Ban	Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, khu phố Bình Dương, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Ngọc Tuấn
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 01 tháng 03 năm 2024

Số: 62/2024/BCKT-RSMHCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 01 tháng 03 năm 2024 từ trang 05 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

Lục Thị Vân
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
0172-2023-026-1

Lê Việt Hà
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
4732-2024-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2024

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, khu phố Bình Dương, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		627.951.986.972	467.451.246.958
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	182.785.268.810	230.685.109.096
1. Tiền	111		70.785.268.810	40.685.109.096
2. Các khoản tương đương tiền	112		112.000.000.000	190.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4.2	290.000.000.000	125.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		290.000.000.000	125.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		150.581.065.509	109.237.890.368
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	144.908.541.058	105.153.299.623
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.708.222.751	2.466.181.194
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.4	5.334.450.279	4.028.145.282
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.5	(2.370.148.579)	(2.409.735.731)
IV. Hàng tồn kho	140		810.820.692	1.477.416.056
1. Hàng tồn kho	141		810.820.692	1.477.416.056
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.774.831.961	1.050.831.438
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.6	1.145.073.093	1.050.831.438
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.11	2.629.758.868	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		731.353.867.990	770.805.221.252
I. Tài sản cố định	220		389.117.812.345	383.349.306.252
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	386.641.705.074	380.238.385.987
Nguyên giá	222		946.734.409.767	885.913.832.502
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(560.092.704.693)	(505.675.446.515)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.8	2.476.107.271	3.110.920.265
Nguyên giá	228		7.552.674.168	7.437.674.168
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.076.566.897)	(4.326.753.903)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		234.028.684.606	277.690.882.229
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.9	234.028.684.606	277.690.882.229
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	4.2	62.565.000.000	62.565.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		15.165.000.000	15.165.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		47.400.000.000	47.400.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		45.642.371.039	47.200.032.771
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.6	45.642.371.039	47.200.032.771
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.359.305.854.962	1.238.256.468.210

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, khu phố Bình Dương, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	T/M	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		358.844.022.366	410.314.957.786
I. Nợ ngắn hạn	310		270.613.098.791	292.930.951.894
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	4.10	80.652.007.137	97.471.687.443
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		601.445.526	930.387.310
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.11	21.356.897.091	17.008.551.443
4. Phải trả người lao động	314	4.12	27.095.330.000	23.920.325.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.13	11.193.696.913	5.582.632.492
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		1.096.192.918	1.047.812.770
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.14	4.785.230.947	5.129.622.060
8. Vay ngắn hạn	320	4.15	67.152.827.643	91.366.665.577
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	4.16	14.960.000.000	14.450.000.000
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	4.17	41.719.470.616	36.023.267.799
II. Nợ dài hạn	330		88.230.923.575	117.384.005.892
1. Phải trả dài hạn khác	337	4.14	19.569.590.242	19.619.590.242
2. Vay dài hạn	338	4.15	68.661.333.333	97.764.415.650
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.000.461.832.596	827.941.510.424
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.18	1.000.461.832.596	827.941.510.424
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		370.439.080.000	185.219.540.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		370.439.080.000	185.219.540.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		74.434.806.545	74.434.806.545
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		346.375.113.541	413.784.974.541
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		209.212.832.510	154.502.189.338
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		76.899.736.338	51.005.041.550
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		132.313.096.172	103.497.147.788
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.359.305.854.962	1.238.256.468.210



Nguyễn Ngọc Tuấn
Tổng Giám đốc

Vũ Thị Quỳnh Trang
Kế toán trưởng

Nguyễn Cảnh Thìn
Người lập

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, khu phố Bình Dương, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2023	Năm 2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	5.1	1.167.236.966.484	1.067.545.444.509
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.167.236.966.484	1.067.545.444.509
3. Giá vốn hàng bán	11	5.2	738.408.155.536	702.307.416.172
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		428.828.810.948	365.238.028.337
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	25.834.560.562	15.789.247.489
6. Chi phí tài chính	22	5.4	10.881.789.061	14.304.081.571
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		<i>10.878.002.154</i>	<i>14.301.451.021</i>
7. Chi phí bán hàng	25	5.5	21.234.993.014	19.645.749.952
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	53.335.938.625	55.410.503.863
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		369.210.650.810	291.666.940.440
10. Thu nhập khác	31		1.506.810.923	897.702.397
11. Chi phí khác	32		2.415.847.337	337.725.438
12. Lợi nhuận khác	40		(909.036.414)	559.976.959
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		368.301.614.396	292.226.917.399
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.8	73.726.149.624	58.033.918.611
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		294.575.464.772	234.192.998.788
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.18.5	7.337	5.727
17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.18.5	7.337	5.727



Nguyễn Ngọc Tuấn
Tổng Giám đốc

Vũ Thị Quỳnh Trang
Kế toán trưởng

Nguyễn Cảnh Thìn
Người lập

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, khu phố Bình Dương, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2023	Năm 2022
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		368.301.614.396	292.226.917.399
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.7	55.750.814.934	57.805.027.098
Các khoản dự phòng	03		7.356.052.140	16.411.640.428
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	5.4	(51.266.282)	(63.142.523)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(25.941.476.098)	(15.816.684.559)
Chi phí lãi vay	06	5.4	10.878.002.154	14.301.451.021
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		416.293.741.244	364.865.208.864
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(42.755.829.078)	(5.103.630.927)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		666.595.364	(880.272.644)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(12.065.487.499)	(15.538.712.828)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.463.420.077	1.026.556.010
Tiền lãi vay đã trả	14		(10.999.597.859)	(14.283.121.310)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.11	(71.247.860.345)	(51.336.412.442)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		4.060.000	12.320.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(16.344.448.183)	(15.918.852.858)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		265.014.593.721	262.843.081.865
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(19.198.099.487)	(67.844.260.866)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		158.181.818	90.579.593
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(290.000.000.000)	(125.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		125.000.000.000	100.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		24.605.776.501	14.325.302.207
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(159.434.141.168)	(78.428.379.066)

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, khu phố Bình Dương, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2023	Năm 2022
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	314.527.233.640	329.098.100.434
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(367.844.153.891)	(346.255.337.944)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(100.214.638.870)	(111.233.031.100)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(153.531.559.121)	(128.390.268.610)
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM				
(50 = 20+30+40)	50		(47.951.106.568)	56.024.434.189
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		230.685.109.096	174.597.532.384
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		51.266.282	63.142.523
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM				
(70 = 50+60+61)	70	4.1	182.785.268.810	230.685.109.096



Nguyễn Ngọc Tuấn
Tổng Giám đốc

Vũ Thị Quỳnh Trang
Kế toán trưởng

Nguyễn Cảnh Thìn
Người lập

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là một doanh nghiệp Nhà nước. Ngày 24 tháng 08 năm 2005, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600334112 ngày 04 tháng 01 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 17 tháng 07 năm 2023 để tăng vốn điều lệ của Công ty.

Ngày 04 tháng 08 năm 2011, Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 118/2011/QĐ-SGDHCM ngày 04 tháng 08 năm 2011 của Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 26 tháng 10 năm 2011, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Thông báo số 867/2011/TB-SGDHCM ngày 12 tháng 10 năm 2011 của Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần đây nhất là 370.439.080.000 VND được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Tại ngày 31/12/2023		Tại ngày 01/01/2023	
	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp	188.924.400.000	51,00	94.462.200.000	51,00
Tổng Công ty Cổ phần Đường Sông Miền Nam	75.000.000.000	20,25	37.500.000.000	20,25
Các cổ đông khác	106.514.680.000	28,75	53.257.340.000	28,75
Cộng	370.439.080.000	100,00	185.219.540.000	100,00

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 1B-D3, khu phố Bình Dương, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 275 (31/12/2022: 269).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh dịch vụ cảng biển.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

- Bốc xếp hàng hóa (Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa cảng biển);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có các công ty liên kết như sau:

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Tỷ lệ vốn góp</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>
Công ty Cổ phần Cảng Long Thành	Cảng Gò Dầu A, khu công nghiệp Gò Dầu, xã Phước Thái, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	30%	30%	30%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Đồng Nai	Phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	45%	45%	45%

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Ngoại tệ

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ;
- Các loại tỷ giá áp dụng trong giao dịch khác là tỷ giá mua, tỷ giá bán ngoại tệ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

3.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc về tất cả những thông tin liên quan có sẵn tại ngày lập báo cáo tài chính, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

3.4. Đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Đầu tư khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính

Đối với các khoản đầu tư góp vốn vào công ty liên kết và đơn vị khác

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng tổn thất được trích lập khi có cơ sở cho thấy có giá trị suy giảm so với giá trị đầu tư của doanh nghiệp.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết được tính dựa trên khoản lỗ của bên được đầu tư.

Dự phòng tổn thất đối với khoản đầu tư khác được tính dựa trên giá trị hợp lý nếu giá trị hợp lý được xác định một cách đáng tin cậy. Nếu không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

3.5. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 40 năm
▪ Máy móc thiết bị	05 - 15 năm
▪ Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm

Từ năm 2012, Công ty áp dụng phương pháp khấu hao theo khối lượng sản phẩm đối với 02 cầu Liebherr.

3.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty.

Các chi phí này sẽ được chuyển sang là nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

3.8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến chi phí bảo hiểm, tiền thuê đất trả trước,... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

3.9. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.10. Chi phí đi vay

Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3.11. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.12. Dự phòng phải trả

Một khoản dự phòng phải trả được ghi nhận nếu do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng phải trả không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng phải trả được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

3.13. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ Công ty và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.14. Doanh thu, thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thu nhập đầu tư

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

3.15. Giá vốn hàng bán

Giá vốn cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ cung cấp trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.16. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay và lỗ tỷ giá hối đoái.

3.17. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí nhân viên, chi phí hoa hồng và chi phí bằng tiền khác.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp; chi phí khấu hao TSCĐ; thuế, phí, lệ phí; chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi; chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

3.18. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Dịch vụ cung cấp cho tàu ngoài nước: 0%
- Thu tiền nước: 5%
- Các dịch vụ khác: 10%

Theo Nghị định số 44/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 06 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 101/2023/QH15 được Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua ngày 24 tháng 06 năm 2023, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% cho một số nhóm dịch vụ theo quy định kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2023 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**3.21. Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

3.22. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Tiền mặt	1.872.241.764	565.167.748
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	68.913.027.046	40.119.941.348
Các khoản tương đương tiền (*)	112.000.000.000	190.000.000.000
Cộng	<u>182.785.268.810</u>	<u>230.685.109.096</u>

(*) Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc 01 tháng với lãi suất từ 2,0%/năm - 3,3%/năm.

4.2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc 06 tháng với lãi suất từ 3,2%/năm - 7,5%/năm.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, khu phố Bình Dương, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.2. Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)**

Đầu tư tài chính dài hạn được chi tiết như sau:

Tại ngày 31/12/2023
VNDTại ngày 01/01/2023
VND

	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên kết:						
Công ty Cổ phần Cảng Long Thành (a)	1.665.000.000	(*)	-	1.665.000.000	(*)	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Đồng Nai (b)	13.500.000.000	(*)	-	13.500.000.000	(*)	-
Cộng	15.165.000.000		-	15.165.000.000		-

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:

Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức (c)	7.000.000.000	37.464.000.000	-	7.000.000.000	18.340.000.000	-
Công ty Cổ phần Sonadezi Bình Thuận (d)	40.400.000.000	(*)	-	40.400.000.000	(*)	-
Cộng	47.400.000.000		-	47.400.000.000		-

(a) Khoản đầu tư này chiếm 30% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cảng Long Thành, một công ty thành lập và hoạt động tại Việt Nam. Ngành nghề hoạt động chính của Công ty Cổ phần Cảng Long Thành là hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, chi tiết: Đại lý và dịch vụ khai thác hàng hải.

(b) Khoản đầu tư này chiếm 45% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Đồng Nai, một công ty thành lập và hoạt động tại Việt Nam. Ngành nghề hoạt động chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Đồng Nai là cho thuê máy móc thiết bị xây dựng; cho thuê container, kho bãi và lưu giữ hàng hóa; xây dựng công trình công nghiệp, đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, đường hầm, nạo vét sông.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(c) Khoản đầu tư này chiếm 0,7% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức, một công ty thành lập và hoạt động tại Việt Nam, niêm yết trên sàn HOSE với mã chứng khoán là SZC. Ngành nghề hoạt động chính của Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức là cho thuê đất và mặt bằng; tư vấn thiết kế, quy hoạch, lập dự án đầu tư; tư vấn quản lý dự án, giám sát, thẩm định, kiểm định công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông; kinh doanh công trình kết cấu hạ tầng. Tại ngày 29 tháng 12 năm 2023, giá niêm yết trên thị trường của khoản đầu tư này là 37.464.000.000 VND, tương đương với 44.600 VND/cổ phiếu.

(d) Khoản đầu tư này chiếm 10,1% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Sonadezi Bình Thuận, một công ty thành lập và hoạt động tại Việt Nam. Ngành nghề hoạt động chính của Công ty Cổ phần Sonadezi Bình Thuận là kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan - Xem thêm Mục 8	94.579.970	70.047.137
Phải thu từ khách hàng:		
Maersk Line A/S	24.121.318.712	32.255.210.997
CMA-CGM SA C/O CMA-CGM VIET NAM JSC	21.016.691.008	11.221.575.562
Công ty TNHH Cảng Quốc tế Tân Cảng - Cái Mép	19.545.099.345	12.962.851.008
MSC MEDITERRANEAN SHIPPING COMPANY S.A	18.145.678.522	10.261.481.875
Các khách hàng khác (*)	61.985.173.501	38.382.133.044
Cộng	144.908.541.058	105.153.299.623

(*) Tại ngày 31/12/2023, phải thu các khách hàng khác có số dư mỗi khách hàng dưới 10% tổng số phải thu ngắn hạn của khách hàng.

4.4. Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2023 VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Dự thu lãi tiền gửi	4.335.298.618	-	3.157.780.839	-
Tạm ứng	350.000.000	-	600.000.000	-
Phải thu khác	649.151.661	-	270.364.443	-
Cộng	5.334.450.279	-	4.028.145.282	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, khu phố Bình Dương, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.5. Nợ xấu**

	Tại ngày 31/12/2023 VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	2.417.702.785	47.554.206	2.562.386.150	152.650.419

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2023 VND				Tại ngày 01/01/2023 VND			
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH Đa phương thức Minh Phát	354.026.166	-	Trên 03 năm	354.026.166	-	Trên 03 năm	354.026.166	-
Công ty TNHH An Tiến Phát	249.824.654	-	Trên 03 năm	249.824.654	-	Trên 03 năm	249.824.654	-
Các khách hàng khác	1.813.851.965	47.554.206	Từ 02 năm trở lên	1.958.535.330	152.650.419	Từ 06 tháng trở lên	1.958.535.330	152.650.419
Cộng	2.417.702.785	47.554.206		2.562.386.150	152.650.419		2.562.386.150	152.650.419

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, khu phố Bình Dương, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.6. Chi phí trả trước**

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Ngắn hạn:		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	862.556.193	-
Các khoản khác	282.516.900	1.050.831.438
Cộng	<u>1.145.073.093</u>	<u>1.050.831.438</u>
Dài hạn:		
Tiền thuê đất trả trước (*)	37.457.059.156	38.751.278.644
Chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng không được cân trừ vào tiền thuê đất	8.101.460.078	8.303.996.582
Các khoản khác	83.851.805	144.757.545
Cộng	<u>45.642.371.039</u>	<u>47.200.032.771</u>

(*) Là khoản tiền Công ty đã ứng ra để đền bù khu đất 3 ha, khu đất 42.776,8 m² và khu đất 158.584,8 m², số tiền này được cân trừ vào tiền thuê đất hàng năm mà Công ty phải nộp cho Ngân sách Nhà nước (Cục thuế tỉnh Đồng Nai). Ngày 24/09/2015, Cục thuế tỉnh Đồng Nai có Thông báo số 687/TB.CT.QLCKTTD và 120/TB.CT.QLCKTTD cho phép Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai quy đổi số tiền còn phải cân trừ còn lại tương ứng với thời gian hoàn thành nghĩa vụ nộp tiền thuê đất đến hết thời hạn thuê đất.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, khu phố Bình Dương, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	TSCĐ hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2023	680.068.572.043	115.424.667.754	67.538.549.380	8.836.134.976	14.045.908.349	885.913.832.502
Mua trong năm	-	452.500.000	-	42.000.000	165.920.000	660.420.000
Đầu tư XDCB hoàn thành	58.759.465.047	8.500.000	877.609.110	-	1.098.326.870	60.743.901.027
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(583.743.762)	-	-	(583.743.762)
Tại ngày 31/12/2023	738.828.037.090	115.885.667.754	67.832.414.728	8.878.134.976	15.310.155.219	946.734.409.767
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2023	355.226.489.587	79.176.216.135	55.617.444.286	7.444.400.097	8.210.896.410	505.675.446.515
Khấu hao trong năm	40.068.341.661	8.566.427.558	4.020.208.292	613.190.381	1.732.834.048	55.001.001.940
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(583.743.762)	-	-	(583.743.762)
Tại ngày 31/12/2023	395.294.831.248	87.742.643.693	59.053.908.816	8.057.590.478	9.943.730.458	560.092.704.693
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 01/01/2023	324.842.082.456	36.248.451.619	11.921.105.094	1.391.734.879	5.835.011.939	380.238.385.987
Tại ngày 31/12/2023	343.533.205.842	28.143.024.061	8.778.505.912	820.544.498	5.366.424.761	386.641.705.074

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình là 133.787.078.590 VND đã được dùng để thế chấp, đảm bảo cho các khoản vay - Xem thêm Mục 4.15.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 218.889.886.688 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm kế toán, bản quyền VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2023	1.818.363.207	5.619.310.961	7.437.674.168
Mua trong năm	-	115.000.000	115.000.000
Tại ngày 31/12/2023	1.818.363.207	5.734.310.961	7.552.674.168
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2023	-	4.326.753.903	4.326.753.903
Khấu hao trong năm	-	749.812.994	749.812.994
Tại ngày 31/12/2023	-	5.076.566.897	5.076.566.897
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2023	1.818.363.207	1.292.557.058	3.110.920.265
Tại ngày 31/12/2023	1.818.363.207	657.744.064	2.476.107.271

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình là 178.493.577 VND đã được dùng để thế chấp, đảm bảo cho các khoản vay - Xem thêm Mục 4.15.

Nguyên giá của TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.084.215.700 VND.

4.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Chi phí đền bù mở rộng cảng Đồng Nai giai đoạn 2B	113.187.064.000	113.187.064.000
Chi phí đền bù mở rộng cảng Đồng Nai giai đoạn 2 (9 ha)	65.984.124.425	65.984.124.425
Chi phí đầu tư hạ tầng khu tái định cư phục vụ dự án mở rộng cảng Đồng Nai giai đoạn 2	52.586.971.360	52.586.971.360
Các dự án khác	2.270.524.821	45.932.722.444
Cộng	234.028.684.606	277.690.882.229

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, khu phố Bình Dương, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.10. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2023 VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho các bên liên quan - Xem thêm Mục 8	12.085.932.796	12.085.932.796	11.260.927.706	11.260.927.706
Phải trả cho người bán:				
Công ty TNHH Dịch vụ Xếp dỡ Hiệp Phước	16.051.093.907	16.051.093.907	22.144.865.001	22.144.865.001
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng Hải HPS Marine	14.958.250.010	14.958.250.010	16.498.261.127	16.498.261.127
Phải trả cho các đối tượng khác (*)	37.556.730.424	37.556.730.424	47.567.633.609	47.567.633.609
Cộng	80.652.007.137	80.652.007.137	97.471.687.443	97.471.687.443

(*) Tại ngày 31/12/2023, phải trả cho các đối tượng khác có số dư mỗi đối tượng nhỏ hơn 10% tổng số phải trả người bán ngắn hạn.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, khu phố Bình Dương, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.11. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Số phát sinh VND	Số đã khấu trừ VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	-	57.438.308.076	(57.438.308.076)	-
	Tại ngày 31/12/2023 VND	Trong năm VND	Đã nộp	Tại ngày 01/01/2023 VND
Thuế giá trị gia tăng	2.882.739.442	43.184.394.803	(41.056.527.711)	754.872.350
Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.326.457.649	73.726.149.624	(71.247.860.345)	14.848.168.370
Thuế thu nhập cá nhân	1.147.700.000	6.034.208.282	(6.292.019.005)	1.405.510.723
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	2.629.758.868	5.337.144.971	(7.966.903.839)	-
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-	413.194.379	(413.194.379)	-
Các loại thuế khác	-	5.000.000	(5.000.000)	-
Cộng	2.629.758.868	128.700.092.059	(126.981.505.279)	17.008.551.443

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, khu phố Bình Dương, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.12. Phải trả người lao động**

Là khoản tiền lương còn phải trả cho cán bộ, công nhân viên tại ngày 31/12/2023.

4.13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Trích trước chi phí dịch vụ vận chuyển, xếp dỡ	9.764.799.709	4.189.816.002
Các khoản chi phí phải trả khác	1.428.897.204	1.392.816.490
Cộng	11.193.696.913	5.582.632.492

4.14. Phải trả khác

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Ngắn hạn:		
Phải trả khác cho các bên liên quan - Xem thêm Mục 8	428.268	428.268
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	186.297.375	382.384.645
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.598.505.304	4.746.809.147
Cộng	4.785.230.947	5.129.622.060
Dài hạn:		
Phải trả Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam tiền hỗ trợ giải phóng mặt bằng cho người dân	16.530.632.897	16.530.632.897
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.038.957.345	3.088.957.345
Cộng	19.569.590.242	19.619.590.242

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, khu phố Bình Dương, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.15. Vay**

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2023		Trong năm		Tại ngày 01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn (a)	67.152.827.643	67.152.827.643	343.630.315.957	(367.844.153.891)	91.366.665.577	91.366.665.577
Vay dài hạn (b)	68.661.333.333	68.661.333.333	-	(29.103.082.317)	97.764.415.650	97.764.415.650
Cộng	135.814.160.976	135.814.160.976	343.630.315.957	(396.947.236.208)	189.131.081.227	189.131.081.227

(a) Các khoản vay ngắn hạn được chi tiết như sau:

Vay ngắn hạn:	Loại tiền	Lãi suất	Tại ngày 31/12/2023		Tại ngày 01/01/2023	
			VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	4,0%/năm	37.300.718.396	54.850.665.577		
Vay dài hạn đến hạn trả:						
Quý Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai	VND	7,0%/năm	16.592.109.247	21.612.000.000		
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	VND	7,2% - 7,5%/năm	13.260.000.000	14.904.000.000		
Cộng			67.152.827.643	91.366.665.577		

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, khu phố Bình Dương, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(b) Các khoản vay dài hạn được chi tiết như sau:

	Loại tiền	Lãi suất	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Quý Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai	VND	7,0%/năm	37.775.000.000	54.367.109.247
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	VND	7,2% - 7,5%/năm	30.886.333.333	43.397.306.403
Cộng			68.661.333.333	97.764.415.650

Thông tin chi tiết các khoản như sau:

- Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam:

Hạn mức vay:	100.000.000.000 VND
Thời hạn vay:	12 tháng
Lãi suất:	Theo từng giấy nhận nợ (Từ 4,0% đến 5,36%/năm)
Mục đích vay:	Bổ sung vốn lưu động
Tài sản đảm bảo:	Không có tài sản đảm bảo

- Vay Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai:

Hạn mức vay:	100.000.000.000 VND
Thời hạn vay:	120 tháng
Lãi suất:	7,0%/năm
Mục đích vay:	Đầu tư công trình bến tàu 30.000 DWT (bến B4) thuộc dự án Cảng Gò Dầu B giai đoạn 1
Tài sản đảm bảo:	Khoản vay được đảm bảo bằng 2 cầu bờ có định Libebherr (Hợp đồng thế chấp tài sản số 33/2014.HĐTC-TD ngày 24/12/2014)

Hạn mức vay:	84.000.000.000 VND
Thời hạn vay:	108 tháng
Lãi suất:	7,0%/năm
Mục đích vay:	Đầu tư công trình bến tàu 30.000 DWT (bến B5) thuộc dự án Cảng Gò Dầu B giai đoạn 1
Tài sản đảm bảo:	Bến tàu 30.000 DWT

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)▪ **Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam:**

Hạn mức vay:	32.925.000.000 VND
Thời hạn vay:	120 tháng
Lãi suất:	7,2%/năm
Mục đích vay:	Thanh toán chi phí thực hiện dự án Cảng Gò Dầu B giai đoạn 2
Tài sản đảm bảo:	Khoản vay được đảm bảo bằng tất cả các khoản lợi thu được từ việc kinh doanh, khai thác giá trị quyền sử dụng đất hoặc hạ tầng kỹ thuật trên đất, các khoản lợi thu được từ việc kinh doanh, khai thác bãi hoặc hạ tầng kỹ thuật trên bãi, quyền nhận tiền từ hợp đồng, quyền đòi nợ, quyền được nhận số tiền bảo hiểm, quyền nhận các khoản tiền bồi thường phạt vi phạm,... và tất cả các quyền và lợi ích phát sinh từ hợp đồng thuê quyền sử dụng đất 157.544,4 m ² tại xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai và bãi cấp phối sỏi đỏ 7,15ha và 2,17ha thuộc dự án Cảng Gò Dầu B giai đoạn 2 tại xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai (Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/CĐN/2015/HĐTC)
Hạn mức vay:	150.000.000.000 VND
Thời hạn vay:	120 tháng
Lãi suất:	7,5%/năm
Mục đích vay:	Bù đắp các chi phí hợp lý của dự án đã được thanh toán bằng vốn thuộc sở hữu của Công ty
Tài sản đảm bảo:	Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản thuộc sở hữu của Công ty theo hợp đồng thế chấp tài sản 02/CĐN/2017/HĐTC ngày 29 tháng 09 năm 2017

4.16. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Là khoản trích quỹ dự phòng tiền lương năm 2024 tại ngày 31/12/2023.

4.17. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Số dư đầu năm	36.023.267.799	31.988.558.657
Trích lập trong năm	22.036.591.000	19.941.242.000
Tăng khác	4.060.000	12.320.000
Sử dụng trong năm	(16.344.448.183)	(15.918.852.858)
Số dư cuối năm	41.719.470.616	36.023.267.799

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.18. Vốn chủ sở hữu****4.18.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND		
Tại ngày 01/01/2022	185.219.540.000	74.434.806.545	320.133.031.541	145.034.099.550		724.821.477.636
Lãi trong năm nay	-	-	-	234.192.998.788		234.192.998.788
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	93.651.943.000	(93.651.943.000)		-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(16.685.939.000)		(16.685.939.000)
Trích quỹ khen thưởng cá nhân, đơn vị hữu quan	-	-	-	(1.000.000.000)		(1.000.000.000)
Trích quỹ chi công tác xã hội	-	-	-	(1.607.813.000)		(1.607.813.000)
Trích quỹ khen thưởng ban điều hành	-	-	-	(647.490.000)		(647.490.000)
Chia cổ tức	-	-	-	(111.131.724.000)		(111.131.724.000)
Tại ngày 01/01/2023	185.219.540.000	74.434.806.545	413.784.974.541	154.502.189.338		827.941.510.424
Tăng vốn trong năm nay	185.219.540.000	-	(185.219.540.000)	-		-
Lãi trong năm nay	-	-	-	294.575.464.772		294.575.464.772
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	117.809.679.000	(117.809.679.000)		-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(17.917.692.000)		(17.917.692.000)
Trích quỹ khen thưởng cá nhân, đơn vị hữu quan	-	-	-	(1.000.000.000)		(1.000.000.000)
Trích quỹ chi công tác xã hội	-	-	-	(2.341.299.000)		(2.341.299.000)
Trích quỹ khen thưởng ban điều hành	-	-	-	(777.600.000)		(777.600.000)
Chia cổ tức	-	-	-	(100.018.551.600)		(100.018.551.600)
Tại ngày 31/12/2023	370.439.080.000	74.434.806.545	346.375.113.541	209.212.832.510		1.000.461.832.596

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.18.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp	188.924.400.000	94.462.200.000
Tổng Công ty Cổ phần Đường Sông Miền Nam	75.000.000.000	37.500.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	106.514.680.000	53.257.340.000
Cộng	370.439.080.000	185.219.540.000

4.18.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Vốn góp đầu năm	185.219.540.000	185.219.540.000
Vốn góp tăng trong năm (*)	185.219.540.000	-
Vốn góp cuối năm	370.439.080.000	185.219.540.000

(*) Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 20/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 04 năm 2023, Công ty đã phát hành thêm 18.521.954 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu từ nguồn vốn chủ sở hữu (quỹ đầu tư phát triển) để tăng vốn điều lệ từ 185.219.540.000 VND lên 370.439.080.000 VND.

4.18.4. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	37.043.908	18.521.954
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	37.043.908	18.521.954
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	37.043.908	18.521.954

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần.

4.18.5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	294.575.464.772	234.192.998.788
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (a)	(22.777.600.000)	(22.036.591.000)
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu	271.797.864.772	212.156.407.788
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm (b)	37.043.908	37.043.908
Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu	7.337	5.727

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

- (a) Quỹ khen thưởng phúc lợi được trừ ra khi tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2023 được ước tính dựa vào tỷ lệ phân bổ lợi nhuận sau thuế năm 2023 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 20/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 04 năm 2023.
- (b) Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm được tính như sau:

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	18.521.954	18.521.954
Ảnh hưởng của 18.521.954 cổ phiếu phổ thông phát hành thêm để tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 20/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/04/2023	18.521.954	18.521.954
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm	<u>37.043.908</u>	<u>37.043.908</u>

4.18.6. Cổ tức

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Cổ tức năm 2021 (40%)	-	74.087.816.000
Cổ tức đợt 1 năm 2022 (20%)	-	37.043.908.000
Cổ tức đợt 2 năm 2022 (30%)	55.565.862.000	-
Cổ tức đợt 1 năm 2023 (12%)	44.452.689.600	-
Cộng	<u>100.018.551.600</u>	<u>111.131.724.000</u>

Căn cứ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 20/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 04 năm 2023, tỷ lệ chia cổ tức năm 2022 là 50% trên vốn điều lệ.

Căn cứ theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 66/2023/NQ-HĐQT ngày 28 tháng 09 năm 2023, tỷ lệ tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2023 là 12% trên vốn điều lệ.

4.19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
Ngoại tệ các loại:		
USD	102.659,60	79.167,56
Số lượng cổ phiếu thưởng được chia cổ tức bằng cổ phiếu của:		
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	140.000	-

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1. Doanh thu cung cấp dịch vụ

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.161.562.376.004	1.060.080.222.459
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan - Xem thêm Mục 8	5.674.590.480	7.465.222.050
Cộng	<u>1.167.236.966.484</u>	<u>1.067.545.444.509</u>

5.2. Giá vốn hàng bán

Là giá vốn của dịch vụ đã cung cấp trong năm.

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi tiền gửi	23.192.306.780	12.707.479.966
Cổ tức, lợi nhuận được chia - Xem thêm Mục 8	2.590.987.500	3.018.625.000
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	51.266.282	63.142.523
Cộng	<u>25.834.560.562</u>	<u>15.789.247.489</u>

5.4. Chi phí tài chính

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí lãi vay	10.878.002.154	14.301.451.021
Lỗ chênh lệch tỷ giá	3.786.907	2.630.550
Cộng	<u>10.881.789.061</u>	<u>14.304.081.571</u>

5.5. Chi phí bán hàng

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí hoa hồng, môi giới	11.483.259.778	7.620.797.078
Chi phí nhân viên	5.462.135.668	4.802.454.693
Chi phí bằng tiền khác	4.289.597.568	7.222.498.181
Cộng	<u>21.234.993.014</u>	<u>19.645.749.952</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nhân viên quản lý	26.250.686.566	25.626.940.488
Chi phí khấu hao tài sản cố định	899.608.829	1.164.565.074
Thuế, phí, lệ phí	5.969.868.173	11.284.989.375
Hoàn nhập dự phòng	(39.587.152)	(2.079.187)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.965.167.375	3.651.566.017
Các khoản chi phí quản lý khác	16.290.194.834	13.684.522.096
Cộng	<u>53.335.938.625</u>	<u>55.410.503.863</u>

5.7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	11.526.849.984	14.514.344.266
Chi phí nhân công	106.064.470.462	103.039.374.925
Chi phí khấu hao tài sản cố định	55.750.814.934	57.805.027.098
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(39.587.152)	(2.079.187)
Chi phí dự phòng sửa chữa lớn tài sản cố định	6.885.639.292	15.396.725.215
Chi phí dịch vụ mua ngoài	578.354.992.940	532.507.727.600
Chi phí khác bằng tiền	54.435.906.715	54.102.550.070
Cộng	<u>812.979.087.175</u>	<u>777.363.669.987</u>

5.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	73.682.726.424	58.033.918.611
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	43.423.200	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>73.726.149.624</u>	<u>58.033.918.611</u>

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	368.301.614.396	292.226.917.399
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	2.703.005.225	961.300.658
Trừ: Thu nhập được miễn thuế (cổ tức được chia)	(2.590.987.500)	(3.018.625.000)
Thu nhập tính thuế	368.413.632.121	290.169.593.057
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	73.682.726.424	58.033.918.611

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí, thu nhập khi tính thuế.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	314.527.233.640	329.098.100.434

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(367.844.153.891)	(346.255.337.944)

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo đánh giá của Ban Tổng Giám Công ty, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động về những khác biệt của sản phẩm mà Công ty cung cấp, hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Cụ thể như sau:

- Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ cảng biển nên không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo lĩnh vực kinh doanh cần thiết phải thuyết minh;
- Bộ phận theo khu vực địa lý: Hoạt động của Công ty chủ yếu là dịch vụ cảng biển tại khu vực tỉnh Đồng Nai nên không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.

Do vậy, Công ty không có báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

Mối quan hệ

1. Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp	Công ty mẹ
2. Tổng Công ty Cổ phần Đường Sông Miền Nam	Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể
3. Công ty Cổ phần Cảng Long Thành	Công ty liên kết
4. Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Đồng Nai	Công ty liên kết
5. Công ty Cổ phần Cấp Nước Đồng Nai	Công ty cùng tập đoàn
6. Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	Công ty cùng tập đoàn
7. Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	Công ty cùng tập đoàn
8. Công ty Cổ phần Môi Trường Sonadezi	Công ty cùng tập đoàn
9. Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	Công ty cùng tập đoàn
10. Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền	Công ty cùng tập đoàn
11. Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	Công ty cùng tập đoàn
12. Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi	Công ty cùng tập đoàn
13. Công ty Cổ phần Tiếp vận Số 1 Đồng Nai	Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt
14. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu, phải trả với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng:		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Đồng Nai	82.120.226	56.865.089
Công ty Cổ phần Cảng Long Thành	12.459.744	13.182.048
	94.579.970	70.047.137
Phải trả người bán ngắn hạn:		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Đồng Nai	(6.368.516.672)	(5.588.851.623)
Công ty Cổ phần Tiếp vận Số 1 Đồng Nai	(5.559.371.324)	(5.359.938.743)
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	(140.548.800)	(161.930.160)
Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi	(17.496.000)	(18.207.180)
Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền	-	(132.000.000)
	(12.085.932.796)	(11.260.927.706)
Phải trả ngắn hạn khác - Xem thêm Mục 4.14:		
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	(428.268)	(428.268)

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Cung cấp dịch vụ:		
Công ty Cổ phần Tiếp vận Số 1 Đồng Nai	4.222.345.117	6.419.299.499
Công ty Cổ phần Cảng Long Thành	647.599.094	634.984.149
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Đồng Nai	804.646.269	410.938.402
Cộng - Xem thêm Mục 5.1	5.674.590.480	7.465.222.050
Mua hàng hóa, dịch vụ:		
Công ty Cổ phần Tiếp vận Số 1 Đồng Nai	(74.611.051.981)	(79.562.155.612)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Đồng Nai	(67.800.417.181)	(59.653.757.598)
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	(2.027.793.800)	(2.033.828.000)
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	(616.043.780)	(607.601.355)
Công ty Cổ phần Môi Trường Sonadezi	(187.913.500)	(233.094.000)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	(14.000.000)	(14.000.000)
Tổng Công ty Cổ phần Đường Sông Miền Nam	(10.657.572)	-
Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền	-	(400.000.000)
Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi	-	(101.400.000)
Công ty Cổ phần Cảng Long Thành	-	(31.632.800)
Cộng	(145.267.877.814)	(142.637.469.365)
Thu nhập khác từ chia sẻ sự cố tràn dầu:		
Công ty Cổ phần Cảng Long Thành	112.316.000	167.574.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia:		
Công ty Cổ phần Cảng Long Thành	1.510.987.500	1.373.625.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Đồng Nai	1.080.000.000	945.000.000
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	-	700.000.000
Cộng - Xem thêm Mục 5.3	2.590.987.500	3.018.625.000
Cổ tức đã trả:		
Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp	51.009.588.000	56.677.320.000
Tổng Công ty Cổ phần Đường Sông Miền Nam	20.250.000.000	22.500.000.000
Công ty Cổ phần Cảng Long Thành	1.428.840.000	1.587.600.000
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	313.374.600	506.520.000
Ông Huỳnh Ngọc Tuấn	19.391.400	22.680.000
Ông Nguyễn Văn Ban	513.000	-
Cộng	73.021.707.000	81.294.120.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thù lao và thu nhập của Hội đồng quản trị được hưởng trong năm như sau:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Năm 2023 VND</u>	<u>Năm 2022 VND</u>
Ông Trần Thanh Hải	Chủ tịch Hội đồng quản trị	370.638.000	341.417.000
Ông Trần Văn Nguyên	Thành viên Hội đồng quản trị	283.980.000	254.826.000
Ông Huỳnh Ngọc Tuấn	Thành viên Hội đồng quản trị	283.981.000	254.825.000
Ông Nguyễn Tiến Hùng	Thành viên Hội đồng quản trị	264.980.000	254.826.200
Ông Đặng Doãn Kiên	Thành viên Hội đồng quản trị	264.980.000	244.047.000
Ông Phan Trọng Dũng	Thành viên Hội đồng quản trị	-	10.781.000
Cộng		<u>1.468.559.000</u>	<u>1.360.722.200</u>

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong năm như sau:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Năm 2023 VND</u>	<u>Năm 2022 VND</u>
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Tổng Giám đốc	1.471.400.000	1.422.180.000
Ông Trần Văn Nguyên	Phó Tổng Giám đốc	1.059.840.000	1.047.527.000
Ông Huỳnh Ngọc Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	1.059.840.000	1.047.527.000
Ông Nguyễn Văn Ban	Phó Tổng Giám đốc	1.010.600.000	716.800.000
Bà Vũ Thị Quỳnh Trang	Kế toán trưởng	950.560.000	936.143.000
Cộng		<u>5.552.240.000</u>	<u>5.170.177.000</u>

9. THU NHẬP CỦA BAN KIỂM SOÁT

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Năm 2023 VND</u>	<u>Năm 2022 VND</u>
Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Trưởng ban	950.560.000	936.143.000
Bà Hoàng Thị Thu Thủy	Thành viên	164.987.000	159.885.000
Ông Hồ Sĩ Tuấn	Thành viên	164.987.000	152.697.000
Ông Trần Quốc Nam	Thành viên	-	7.188.000
Cộng		<u>1.280.534.000</u>	<u>1.255.913.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**10. CAM KẾT THEO CÁC HỢP ĐỒNG THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Công ty thuê đất của Nhà nước theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có kỳ hạn trung bình là 50 năm, với tiền thuê cố định mỗi kỳ:

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong năm	5.337.144.971	10.301.439.038

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có các khoản cam kết phải trả đến hạn theo các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang như sau:

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Từ 1 năm trở xuống	10.458.760.653	10.304.875.788
Trên 1 năm đến 5 năm	43.421.237.089	41.945.463.597
Trên 5 năm	221.272.353.099	230.159.545.315
Cộng	275.152.350.841	282.409.884.700

11. SỐ LIỆU SO SÁNH

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại:

Kết quả hoạt động kinh doanh (Trích):

	Năm 2022 VND (Được báo cáo lại)	Năm 2022 VND (Đã được báo cáo trước đây)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu	5.727	11.338

Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2022 được báo cáo lại là để điều chỉnh số trích quỹ khen thưởng phúc lợi theo số được phê duyệt trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 20/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 04 năm 2023 do số liệu trong Báo cáo tài chính năm 2022 là số tạm trích và do ảnh hưởng của việc phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu từ nguồn vốn chủ sở hữu để tăng vốn điều lệ.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

12. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có vấn đề hoặc tình huống nào khác phát sinh kể từ ngày 31/12/2023 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Công ty trong những năm tài chính sắp tới.



Nguyễn Ngọc Tuấn
Tổng Giám đốc

Vũ Thị Quỳnh Trang
Kế toán trưởng

Nguyễn Cảnh Thìn
Người lập

Đồng Nai, ngày 01 tháng 03 năm 2024